

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV22B3**

Năm học: **23-24**

Mã MH/MĐ: **MH04204**Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Quản lý dịch hai tổng hợp và QLCD**

Số TC: 4

STT	MSSH	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MB
1	2256201161368	Huỳnh Trung	Nghĩa	03/08/2007				8	6.0	7.0	6.0	8.0	5.9	7.0		6.9
2	2256201161369	Nguyễn Trọng	Nghĩa	05/12/2007				8.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.3	5.0		6.2
3	2256201161370	Huỳnh Chí	Nhân	07/02/2007				8	5.0	8.0	5.0	8.0	6.9	7.0		6.9
4	2256201161371	Dương Phương	Nhu	12/03/2007				8	5.0	8.0	7.5	8.0	8.8	7.0		7.2
5	2256201161373	Phạm Thị Quỳnh	Như	30/03/2007				8	7.0	8.0	8.0	8.0	7.4	7.5		7.6
6	2256201161374	Nguyễn Tấn	Phát	02/07/2007				9	5.0	7.5	7.0	8.5	6.6	7.0		7.0
7	2256201161375	Trần Tấn	Phát	05/12/2006				0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
8	2256201161376	Trần Tấn	Phát	09/11/2007				7	6.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.5		7.3
9	2256201161377	Trần Hoàng	Phúc	09/06/2007				0	0.0	0.0	0.0	0.0	3.3	0.0	0.0	0.2
10	2256201161378	Bùi Hồng	Phước	28/08/2006				0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
11	2256201161379	Nguyễn Chí	Thành	30/11/2007				5	5.0	8.0	6.0	8.0	6.3	7.0		6.8
12	2256201161381	Đỗ Thành	Thông	10/09/2007				9	6.0	8.5	9.0	8.5	8.6	5.0		6.3
13	2256201161382	Phan Văn	Thủ	07/03/2007				8	9.0	8.0	8.0	8.0	8.1	9.5		9.0
14	2256201161383	Nguyễn Chí	Tĩnh	05/12/2007				9	5.0	8.0	8.0	8.0	7.2	6.0		6.6
15	2256201161384	Phạm Thùy	Trang	19/03/2007				8	7.0	6.0	6.0	8.5	7.0	7.5		7.3
16	2256201161385	Trần Diễm	Trang	19/04/2007				8	5.0	6.0	8.0	8.5	7.0	7.0		7.0
17	2256201161386	Nguyễn Thành	Trung	26/08/2007				8	7.0	8.0	5.0	8.0	6.5	7.0		7.0
18	2256201161387	Phùng Văn	Tú	31/03/2007				7	0.0	0.0	0.0	0.0	2.6	0.0	0.0	0.4
19	2256201161388	Bùi Phú	Tường	28/08/2006				6	5.0	8.0	6.0	7.0	7.9	7.5		7.2

Châu Đốc, ngày 30 tháng 1 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Huỳnh Kim Tiên